TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 628/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-12-2020
V/v ly hôn giữa anh C và chị H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tống Thị Kim Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vương Thị Minh Tân

Ông Vũ Anh Tuấn

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Vũ Văn Trường - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà***: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 580/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-11-2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Phạm Kiên C, sinh năm 1981; Đăng ký hộ khẩu: Số nhà 1/67 phố H, phường P, TP. N, tỉnh Nam Định. Có đơn đề nghị vắng mặt

- Bị đơn: chị Trịnh Thị Thu H, sinh năm 1990; Đăng ký hộ khẩu: Số nhà 1/67 phố H, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định. Tạm trú: 69/4 Tổ 8 khu phố 3, phường Thới An, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Nam Định giải quyết vụ án và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình nộp ngày 12-11-2020, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Phạm Kiên C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm về sinh hoạt cũng như kinh tế trong gia đình. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có nguyện vọng được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Hải Đ sinh ngày 04-3-2008 và Phạm Minh Khôi sinh ngày 09-5-2011. Hiện nay cháu Đ đang sống cùng anh, cháu K đang sống cùng chị H. Để ổn định cuộc sống cũng như việc học tập của các con anh C đề nghị giao mỗi người trực tiếp nuôi một con, anh nuôi cháu Đăng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Anh xác định vợ chồng không có gì chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai vào ngày 23-11-2020 bị đơn chị Trịnh Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian đăng ký kết hôn chị H trình bày thống nhất với anh C. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách hai bên không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Năm 2012 mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị đã đưa cháu Khôi đi nơi khác sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh C có nguyện vọng ly hôn, chị nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Hải Đ sinh ngày 04-3-2008 và Phạm Minh K sinh ngày 09-5-2011. Hiện nay cháu Đ đang sống cùng anh C, cháu K đang sống cùng chị. Chị có nguyện vọng tiếp tục được trực tiếp nuôi cháu Khôi, còn anh C nuôi cháu Đ. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: chị xác định vợ chồng không có gì chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương cũng xác nhận tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị H mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng anh chị không còn sống chung, mỗi người đang trực tiếp nuôi dưỡng một con. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đơn đề nghị của cháu Phạm Hải Đăng có nguyện vọng ở với bố.

Đơn đề nghị của cháu Phạm Minh K có nguyện vọng ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị đã xảy ra mâu thuẫn dẫn tới cuộc sống chung của anh chị không còn trên thực tế. Nay hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử ly hôn giữa anh Phạm Kiên C và chị Trịnh Thị Thu H. Về con chung: Xét nguyện vọng của anh C, chị H và nguyện vọng của các con chung nên đề nghị giao cháu Phạm Hải Đăng cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Minh Khôi cho chị Trịnh Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Kiên C là nguyên đơn và chị Trịnh Thị Thu H là bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C và chị H.

[2] Về hôn nhân: Anh Phạm Kiên C và chị Trịnh Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định vào năm 2008 nên hôn nhân giữa anh C và chị H là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về tình cảm: Sau khi kết hôn anh C và chị H chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm về sinh hoạt cũng như kinh tế trong gia đình. Mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi từ năm 2012 cho đến nay. Nay cả hai bên cùng có nguyện vọng ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa anh C và chị H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về việc nuôi con chung: Xét nguyện vọng của anh C và chị H đều có quan điểm thống nhất anh C sẽ trực tiếp nuôi con chung là Phạm Hải Đăng, chị H sẽ trực tiếp nuôi con chung là Phạm Minh Khôi và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Ngoài ra, nguyện vọng của cháu Phạm Hải Đăng cũng muốn được ở với bố, nguyện vọng của cháu Phạm Minh Khôi muốn ở với mẹ. Để ổn định cuộc sống và việc học tập cho trẻ em khi bố mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử có căn cứ giao cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Phạm Hải Đăng; giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Phạm Minh Khôi là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hai bên không đề nghị việc cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh C và chị H phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Anh C và chị H đều xác nhận vợ chồng không có tài sản gì chung, vay nợ gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội anh Phạm Kiên C là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Phạm Kiên C và chị Trịnh Thị Thu H.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là Phạm Hải Đăng (giới tính: Nam), sinh ngày 04-3-2008 cho anh Phạm Kiên C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao con chung là Phạm Minh Khôi sinh ngày 09-5-2011 cho chị Trịnh Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Kiên C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh Phạm Kiên C đã nộp tại biên lai số 0003359 ngày 12-11-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định. Anh Phạm Kiên C đã nộp đủ.

Anh Phạm Kiên C, chị Trịnh Thị Thu H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì anh Phạm Kiên C và chị Trịnh Thị Thu H có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố N
- Chi cục THADS TP. N;
- UBND phường P, TP. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tống Thị Kim Phượng